



Thiết kế hoạt động ngoại khoá môn Ngữ văn phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 10

Nguyễn Thị Hòa

Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 11/9/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 18/11/2024

Ngày nhận đăng: 26/11/2024

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Hoạt động ngoại khoá;

Năng lực ngôn ngữ;

Ngữ văn 10;

Thiết kế hoạt động ngoại khoá.

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích, kiến giải một số khái niệm cơ bản về hoạt động ngoại khoá, phát triển năng lực ngôn ngữ và đánh giá khả năng phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 10 qua hoạt động ngoại khoá Ngữ văn. Trên cơ sở đó đề xuất một số thiết kế hoạt động ngoại khoá nhằm thúc đẩy hứng thú, kỹ năng thực hành tiếng Việt của học sinh, từng bước phát triển năng lực ngôn ngữ ở cả bình diện tiếp nhận và tạo lập.

1. DẪN NHẬP

Trong những năm gần đây, bên cạnh việc chú trọng vận dụng hệ thống phương pháp (PP), kỹ thuật dạy học (DH) tích cực nhằm gia tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ cho học sinh (HS), các nhà giáo dục (GD) dành khá nhiều sự quan tâm cho GD trải nghiệm hay học tập trải nghiệm (Experiential Learning), hoạt động ngoại khoá (Extracurricular Activity). Các hình thức (hay PP) học tập này được đánh giá là có khả năng giúp người học phát triển hiệu quả các năng lực (NL) của thế kỷ 21, gồm: Critical thinking (tư duy phản biện), Communication (giao tiếp), Collaboration (hợp tác), Creativity (sáng tạo). Trong đó, hoạt động ngoại khoá (HĐNK) bên cạnh việc nhấn mạnh tính thực hành còn hướng đến giải phóng năng lượng người học khỏi các ràng buộc khuôn mẫu có thể có trong giờ chính khoá (Regular school hours). HĐNK, ở một giới hạn nào đó, bao hàm các thuộc tính của học tập trải nghiệm (như tính tham gia trực tiếp, tính tình huống, chú trọng yếu tố cảm xúc...). Đối với việc DH Ngữ văn và định hướng phát triển NL ngôn ngữ cho HS phổ thông, HĐNK có một vị trí khá đặc biệt. Tính đa dạng của hình thức tổ chức HĐNK, tính mở của nội dung thực hành ngôn ngữ trong ngoại khoá Ngữ văn được HS lứa tuổi 15-18 đón nhận tích cực. Mặc dù vẫn phải tính đến các điều kiện về nguồn lực tài chính, nguồn lực con người và sự công phu về học liệu cho mỗi hoạt động, ngoại khoá Ngữ văn vẫn là một hình thức lý tưởng để phát triển NL ngôn ngữ cho HS trung học phổ thông (Thái, 2008).

2. NỘI DUNG

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Năng lực ngôn ngữ

NL ngôn ngữ rất quan trọng trong cách tiếp cận giao tiếp, hướng tới mục đích đạt được trình độ hiểu và sử dụng chính xác các diễn đạt ngôn ngữ. Trong giao tiếp, ngoài hành động biểu đạt các ý định bằng hình thái ngôn ngữ thích hợp dựa trên kiến thức và kỹ năng về ngôn ngữ phù hợp với các ngữ cảnh giao tiếp (tạo lập lời nói) còn phải bao gồm hành động nghe và đọc (tiếp nhận lời nói). Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn 2018 nêu định nghĩa ngắn gọn về NL ngôn ngữ: “khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...) để đọc, viết, nói và nghe” (ASVAB, 2022; Bùi, 1992).

Có thể thấy khá nhiều cách diễn đạt khác nhau về NL ngôn ngữ nhưng theo chúng tôi, NL ngôn ngữ được cụ thể hóa qua các phương diện sau (Đặng, 2012):

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hòa;

Địa chỉ e-mail: lunguyengialinh2015@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.129.2026>

- NL ngôn ngữ là một trong hai NL đặc thù của DH Ngữ văn, thuộc nhóm NL công cụ.
- NL ngôn ngữ là khả năng sử dụng tốt, có hiệu quả một số ngôn ngữ phổ thông nào đó, tức là thể hiện ở khả năng sử dụng ngôn ngữ trong đời sống thực tế, đạt mục đích giao tiếp. NL ngôn ngữ được cụ thể hóa qua việc sử dụng các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe theo một yêu cầu nhất định trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

NL ngôn ngữ cơ bản được rèn luyện qua hoạt động giao tiếp và đối với HS, môi trường phát triển NL ngôn ngữ cơ bản nhất là qua thực hành các hoạt động học. Phát triển NL ngôn ngữ là cơ sở để rèn NL giao tiếp, có nghĩa là người dùng ngôn ngữ nói riêng không phải tự nhiên mà có. Đó là kết quả của quá trình rèn luyện, học tập và phát triển của mỗi cá nhân, và quan trọng là luôn gắn liền với một mục tiêu nhất định. Điều này cũng đồng nghĩa với việc xem NL ngôn ngữ là NL sử dụng tiếng nói và chữ viết trong quá trình giao tiếp, thể hiện ở các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.

2.1.2. Hoạt động ngoại khóa

HĐNK là một loại hình hoạt động GD nằm trong quy phạm, khuôn khổ GD của nhà trường phổ thông. Nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia GD ngoài nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. WOHM cho rằng “HĐNK là các hoạt động diễn ra ngoài CT học thuật tiêu chuẩn” và luôn tác động một cách tích cực đến việc phát triển kỹ năng xã hội, phát triển cảm xúc, cải thiện chất lượng học tập, khả năng quản lý thời gian và trách nhiệm ở HS. Tổ chức ASVAB cùng với việc nêu định nghĩa đã nhấn mạnh tầm quan trọng của HĐNK: “Các HĐNK đóng vai trò là phần mở rộng của CT học. Chúng tập trung vào một hoạt động, mục tiêu hoặc mục đích cụ thể. HĐNK là một phần thiết yếu của nền GD toàn diện” (Đỗ, 2011).

Trong bối cảnh đổi mới PP và hình thức tổ chức DH nhằm phát triển phẩm chất, NL người học hiện nay, HĐNK được xem xét với tư cách là một mô hình, cách thức gia tăng hiệu quả của các môn học, trong đó có Ngữ văn. Nằm ngoài CT học chính khóa, các HĐNK thường mang tính chất tự nguyện và linh hoạt, ít chịu sự ràng buộc của các quy trình chặt chẽ. Đây cũng là một hoạt động học tập thể hiện tính chất đặc thù ở chỗ không đặt sự giảng dạy của giáo viên (GV) lên hàng đầu mà xem trọng hoạt động tự giác, sự vận dụng sáng tạo của HS. Nói cách khác, HĐNK là dịp để HS củng cố, đối chiếu những kiến thức đã được học và giúp các em phát huy cao độ tính tích cực, chủ động sáng tạo trong việc tiếp thu tri thức mới; cho phép HS tự thể hiện ý kiến và suy nghĩ, góp phần xây dựng kỹ năng hợp tác và áp dụng kiến thức vào thực tế. HS có thể tham gia HĐNK ở lớp, ở trường hoặc ngoài xã hội với nhiều lựa chọn khác nhau, tùy thuộc vào những mục tiêu rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ khác nhau theo định hướng của CT và nội dung DH.

2.1.3. Hoạt động ngoại khóa Ngữ văn

HĐNK Ngữ văn là một bộ phận của hoạt động DH Ngữ văn - môn học vừa mang tính công cụ vừa mang tính thẩm mỹ - nhân văn. Hoạt động này sẽ giúp cho việc dạy và học có cơ sở thực tế, tạo hưng phấn cho giờ học chính khóa; theo đó vốn sống, vốn hiểu biết của cả thầy và trò đều được mở rộng một cách thoải mái, tự nhiên. Với HĐNK Ngữ văn, HS có thể thể hiện những đam mê về lĩnh vực văn hóa, VH cụ thể nào đó, đồng thời có thể thể hiện rõ nét những năng khiếu tiếng Việt, VH vượt trội, như: sáng tác thơ, văn, đọc hoặc ngâm thơ, kể chuyện sáng tạo, thuyết trình hay tranh biện về một vấn đề,... Với các HĐNK Ngữ văn, HS được trực tiếp tìm hiểu vấn đề về tác giả, tác phẩm, ngôn ngữ dân tộc... mà SGK đề xuất hoặc gợi ý, hoặc những nội dung gắn với mạch kiến thức tiếng Việt và VH mà GV gợi mở, khuyến khích tìm hiểu, nghiên cứu ngoài giờ chính khóa. HS có thể tham gia HĐNK với rất nhiều hình thức phù hợp với niềm đam mê và năng khiếu của mình: đọc ngoại khóa VH, sưu tầm các tác phẩm VH, các VB thông tin về quê hương đất nước, tham gia, dã ngoại, tổ chức gặp gỡ, giao lưu với tác giả đương thời...

Mục đích của HĐNK Ngữ văn là góp phần tạo ra lối sống có văn hóa và khả năng hưởng thụ các giá trị về văn hóa, VH và ngôn ngữ dân tộc cho HS. Qua HĐNK Ngữ văn, HS được phát triển cân đối về trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, tâm hồn. HĐNK Ngữ văn phát huy tính năng động chủ quan, tính tích cực xã hội, tinh thần sẵn sàng vì người khác của HS; đồng thời tạo điều kiện để GV phát hiện sở thích, thiên hướng cá nhân và NL sáng tạo của HS nhằm đề xuất biện pháp tác động sư phạm khoa học, hữu ích. HĐNK Ngữ văn góp phần chống lại sự xâm nhập từ bên ngoài của nền văn hóa phi nghệ thuật và về lâu dài, HĐNK Ngữ văn trong nhà trường phổ thông có nhiệm vụ hướng dẫn thị hiếu VH đúng đắn, rèn luyện óc thẩm mỹ, lối sống năng động hài hòa cho HS. Sự đa dạng của hình thức HĐNK Ngữ văn có tác dụng GD HS một cách tế nhị và sâu sắc.

2.2. Hoạt động ngoại khóa môn Ngữ văn đối với việc phát triển năng lực ngôn ngữ

2.2.1. Vai trò, ý nghĩa của hoạt động ngoại khóa môn Ngữ văn đối với việc phát triển năng lực ngôn ngữ

HĐNK trong DH Ngữ văn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển NL ngôn ngữ của HS. Cụ thể là:

- Tăng cường kỹ năng ngôn ngữ: HĐNK cung cấp môi trường thực tế và linh hoạt, giúp HS rèn luyện các

kỹ năng ngôn ngữ như đọc, viết, nói và nghe một cách tự nhiên hơn. HS có cơ hội sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp đa dạng, từ đó nâng cao khả năng diễn đạt và tư duy ngôn ngữ.

- Phát triển tư duy sáng tạo và cảm thụ văn học: Qua các hoạt động như viết sáng tác, biểu diễn văn nghệ, hoặc tham gia câu lạc bộ (CLB) sách, HS được khuyến khích phát huy trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của mình. Điều này không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn về văn học mà còn tạo điều kiện để các em tự do thể hiện ý tưởng và cảm nhận của bản thân.

- Tăng cường sự tự tin và kỹ năng giao tiếp: Các HĐNK thường yêu cầu HS tham gia vào các bài thuyết trình, tranh luận, hoặc thảo luận nhóm. Qua đó, HS không chỉ cải thiện khả năng giao tiếp mà còn rèn luyện sự tự tin khi trình bày ý kiến trước đám đông.

- Phát triển khả năng làm việc nhóm và tinh thần cộng đồng: HĐNK thường đòi hỏi HS làm việc cùng nhau để đạt được mục tiêu chung. Điều này giúp người học phát triển kỹ năng hợp tác, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, đồng thời xây dựng tinh thần đoàn kết và trách nhiệm trong cộng đồng học tập.

- Gắn kết kiến thức với thực tiễn: Qua các hoạt động như tham quan di tích lịch sử, gặp gỡ nhà văn, nhà thơ, hay tham gia các cuộc thi viết văn, HS có cơ hội liên hệ kiến thức Ngữ văn với thực tiễn cuộc sống. Điều này giúp HS nhận thức rõ hơn về giá trị của VH và ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày.

- Khám phá và phát triển sở thích cá nhân: Các HĐNK cho phép HS khám phá và phát triển những sở thích cá nhân liên quan đến ngôn ngữ và VH, từ đó nuôi dưỡng đam mê học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Như vậy, HĐNK Ngữ văn không chỉ giúp HS phát triển NL ngôn ngữ một cách toàn diện mà còn đóng góp vào sự phát triển nhân cách và kỹ năng sống cần thiết ở các em.

2.2.2. Yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe trong mối quan hệ với việc tổ chức các hoạt động ngoại khoá Ngữ văn

So với CT2006, CT GDPT môn Ngữ văn 2018 phát triển mạnh mẽ tư tưởng DH tích hợp, thể hiện ở yêu cầu tích hợp triệt để và nhất quán đến mức cao nhất giữa phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học, giữa tiếp nhận, tạo lập các kiểu loại văn bản và giữa các hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp đọc, viết, nói và nghe. Ngoài ra, CT còn chú ý thực hiện quan điểm tích hợp các nội dung liên môn và xuyên môn một cách hợp lý. Bên cạnh đó, yêu cầu phân hoá theo NL, sở trường của cá nhân người học được coi trọng hơn rất nhiều ở cấp trung học phổ thông; thể hiện bằng việc cho HS tự chọn một số chuyên đề học tập cụ thể (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

NL ngôn ngữ được coi trọng và chú ý đến việc vận dụng trong giao tiếp, phục vụ trực tiếp cho đọc, viết, nói và nghe hơn là lý thuyết hàn lâm. NL ngôn ngữ thể hiện trước hết ở hoạt động đọc. Ở cấp trung học phổ thông, có thể nhận thấy việc gia tăng đáng kể mức độ đọc hiểu so với cấp học trước. Việc đọc hiểu gắn liền với các kiến giải, tạo nghĩa trên cơ sở những tri thức về phong nền văn hoá, xã hội. Từ điểm nhìn đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, yêu cầu cần đạt về đọc gắn với các thao tác “phân tích”, “đánh giá”. Từ điểm nhìn của đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối, yêu cầu cần đạt về đọc chú trọng những kết nối theo “cảm quan riêng” và ý thức về giá trị mà VB mang lại cho chính bản thân bạn đọc - HS. Việc tạo lập văn bản đã có những bước đột phá nhất định theo kì vọng của các nhà GD. Để xây dựng các kế hoạch GD, kế hoạch tổ chức HĐNK cho HS trung học phổ thông, nhà sư phạm cần đặc biệt chú ý đến quá trình sản sinh văn bản gắn với sự đa dạng về loại (nghị luận, thuyết minh, thông tin), về mức độ của kỹ năng viết sáng tạo: thành thạo, đúng quy trình, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt, thể hiện được cảm xúc, thái độ, trải nghiệm và in đậm dấu ấn của chủ thể sáng tạo, in đậm cá tính.

Đối với hoạt động nói và nghe, HS trung học phổ thông cần đảm bảo các yêu cầu cần đạt sau: Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; có hứng thú thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; nắm được PP, quy trình tiến hành một cuộc tranh luận (ASVAB, 2022). Những yêu cầu này tương thích và kết nối chặt chẽ với định hướng thực hành đọc, viết. HS cần đối diện với những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau để học cách nói thuyết phục, có văn hoá, đồng thời rèn luyện ở mức độ cao kỹ năng lắng nghe sâu, nghe để phản hồi tích cực.

HĐNK đem lại rất nhiều lợi ích cho quá trình DH và với những mô tả, phân tích về yêu cầu cần đạt trong đọc, viết, nói và nghe ở trên, có thể nhận thấy mức độ tương thích của các CT, dự án trải nghiệm, ngoại khoá với hoạt động thực hành Ngữ văn. Những khó khăn về thiếu hụt vốn sống, tri thức nền ngôn ngữ, văn học hay hiểu biết về văn hoá xã hội, về thế giới xung quanh có thể được bù khuyết bằng HĐNK thiết kế khoa học, gắn chặt với mục tiêu phát triển NL ngôn ngữ. Bên cạnh đó, việc HS lớp đầu cấp trung học phổ thông

phải đối diện với khá nhiều yêu cầu khó về đọc, viết, nói và nghe cũng ít nhiều khiến các em dao động mục tiêu học tập. HĐNK có thể làm “mềm hoá” việc tiếp nhận tri thức, “sinh động hoá” việc thực hành kỹ năng giao tiếp và “tích cực hoá” việc vận dụng những hiểu biết về tiếng Việt, về văn học vào tiếp nhận, tạo lập, sản sinh ngôn bản (Đỗ et al., 2018).

2.3. Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Ngữ văn lớp 10 theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh

2.3.1. Thiết kế mô hình câu lạc bộ “Ngoại khoá Ngữ văn 10”

- **Mục tiêu:**

CLB nhằm tạo cho HS phát triển hơn những phẩm chất như đọc, viết, nói, nghe và NL môn học; nâng cao NL cảm thụ VH và phát triển kỹ năng tự tin trước đám đông, mạnh dạn trong giao tiếp; giao lưu học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau tiến bộ trong học tập; tìm hiểu trao đổi PP học tập của nhau nhằm giảm bớt sau những giờ học tập căng thẳng; đồng thời góp phần tạo nên sân chơi giải trí lành mạnh, bổ ích cho HS sau những giờ học tập căng thẳng.

- **Quy trình thiết kế:**

Quy trình thiết kế CLB “Ngoại khoá Ngữ văn 10”

Để tổ chức và duy trì hoạt động của CLB, cần tổ chức theo quy trình sau:

Bước 1. Căn cứ nhu cầu, nguyện vọng HS, căn cứ mục tiêu kế hoạch của nhà trường, xác định loại hình CLB.

Bước 2. Xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu, nội dung hoạt động, hình thức tổ chức. Đối với bước này GV sẽ dựa theo phương hướng hoạt động của nhà trường trong năm học để xây dựng kế hoạch cho phù hợp.

Bước 3. Tập hợp các thành viên, xây dựng tổ chức, thống nhất nguyên tắc hoạt động, thông qua kế hoạch, xây dựng nội quy hoạt động, thống nhất lịch sinh hoạt. Xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.

Bước 4. Tổ chức các buổi sinh hoạt, trong đó xác định rõ nội dung, công việc, có kiểm tra và nhận xét đánh giá cuối mỗi buổi.

Bước 5. Nếu là những CLB hoạt động dài hạn, cần có kế hoạch nhận xét, đánh giá, bầu lại Ban Chủ nhiệm CLB theo thời gian định kì (thường là 1 năm/1 nhiệm kì của Ban Chủ nhiệm).

Mỗi trường đều có thể tổ chức nhiều CLB khác nhau cho các nhóm HS tham gia và cần xây dựng kế hoạch cụ thể cho mỗi CLB để việc tổ chức thực hiện đạt được hiệu quả GD cao.

- **Định hướng tổ chức:**

Các CLB thành lập nhằm phát huy NL HS qua hoạt động ngoài giờ, từ đó rèn luyện, phát hiện, bồi dưỡng những em có thực lực phát huy sở trường. Mỗi HS tham gia ít nhất một câu lạc bộ, vừa đáp ứng nhu cầu vui chơi khi đang ngồi trên ghế nhà trường, vừa hạn chế tham gia các tệ nạn xã hội.

CLB Ngữ văn lớp 10 ra đời với định hướng lan toả tri thức từ những cuốn sách hay, rèn luyện NL ngôn ngữ và NL văn học, phát huy NL sáng tạo, hình thành và phát triển kỹ năng, phẩm chất của HS. Từ đó góp phần xây dựng, vun đắp ở HS tình yêu đối với sách, niềm say mê đối với tri thức nhân loại, khả năng tự học để trở thành công dân tốt. CLB nằm dưới sự định hướng, giảng dạy trực tiếp của GV bộ môn hướng tới GD toàn diện cho HS.

2.3.2. Thiết kế kế hoạch tổ chức các cuộc thi “Tiếng Việt trong tôi”

- **Mục tiêu:**

Để tạo một môi trường thoải mái cho các em học tập, việc tổ chức các HĐNK những năm gần đây luôn được tổ bộ môn Ngữ văn chú trọng. Trong đó hình thức tổ chức các cuộc thi theo chủ đề sẽ thu hút đông đảo HS tham gia và nhiệt tình hưởng ứng, các em thấy thoải mái cũng như có niềm vui, hứng thú sau các tiết học chính khóa trong lớp vì nó được tổ chức trong một không gian mở, vui vẻ và phong phú. Cuộc thi “Tiếng Việt trong tôi” góp phần cụ thể hóa các nội dung và đa dạng các hình thức tổ chức DH Ngữ văn cho HS, phát triển NL ngôn ngữ của HS thông qua việc tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; đồng thời, giúp HS có được sân chơi hữu ích, tích cực trau dồi vốn tiếng mẹ đẻ. Từ đó, lan toả đến các em tình yêu tiếng Việt, văn học, được rèn luyện về vốn từ tiếng Việt, hiểu thêm về văn hóa, con người, đất nước Việt Nam tiếp cận được những giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống dân tộc của cha ông.

- **Quy trình thiết kế:**

Quy trình thiết kế thực hiện hướng dẫn quy trình dạy tổ chức tại lớp học chia lớp thành 4 đội thi:

Bước 1. GV chuẩn bị nội dung thi

- Xác định mục tiêu của cuộc thi cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ trong CT.

- Nghiên cứu SGK và các tài liệu liên quan để: hiểu chính xác, đầy đủ những nội dung của cuộc thi; xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở HS; xác định trình tự logic của cuộc thi.

- Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của HS, gồm: xác định những kiến thức, kỹ năng mà HS đã có và cần có; dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

- Lựa chọn PP, phương tiện, hình thức tổ chức cuộc thi và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp HS học tập tích cực, chủ động, sáng tạo.

- Thiết kế nội dung thi.

Bước 2. Thực hiện cuộc thi

- Giới thiệu và giải thích: Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) trong quá trình thực hiện cuộc thi; Giới thiệu cuộc thi, mục đích và yêu cầu, phần thưởng cho người tham gia/đội thi thắng cuộc.

- Tiến hành cuộc thi: GV tiến hành tổ chức trò chơi, chọn trọng tài (có thể GV đảm nhận hoặc chọn HS).

Bước 3. Nhận xét, đánh giá kết quả cuộc thi: Sau mỗi lần tổ chức, GV cần nhận xét, đánh giá kết quả thi:

- GV nhận xét về thái độ tham gia của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

- GV nêu lại hoặc mở rộng kiến thức được đề cập đến trong cuộc thi.

- Một số HS nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà hoạt động của cuộc thi đã thể hiện.

- Trọng tài, Ban Giám khảo công bố kết quả cuộc thi của từng đội và trao phần thưởng cho đội đoạt giải.

• Định hướng tổ chức:

Một trong những yếu tố nổi bật của cuộc thi là tạo sân chơi bổ ích nhằm nâng cao chất lượng GD toàn diện, tạo sân chơi trí tuệ, lành mạnh, bổ ích cho học sinh, hình thành và phát triển NL, phẩm chất cần thiết, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, GD kỹ năng sống góp phần nâng cao chất lượng DH, gia tăng hứng thú, hiểu biết của HS. HS biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lý thông tin bằng các hình thức phù hợp. Thông qua cuộc thi, HS có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống.

Qua cuộc thi, HS biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp. Thông qua cuộc thi, HS có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh, đề cao vai trò của HS: biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

2.3.3. Thiết kế hoạt động “Sân khấu hoá tác phẩm văn học”

• Mục tiêu:

“Sân khấu hóa các tác phẩm văn học” là một hoạt động GD được thực hiện bằng cách dàn dựng lại một bài thơ, câu chuyện thành một vở kịch, một tiết mục ca nhạc... nhưng vẫn cần giữ nguyên đặc trưng nguyên gốc của tác phẩm và nhân vật. HS có thể chọn sân khấu hóa toàn bộ tác phẩm hoặc một trích đoạn đặc sắc nhất. DH các tác phẩm văn học qua các vở kịch, hoạt cảnh... có thể giúp HS tiếp cận kiến thức văn học tự nhiên và hiệu quả hơn, cảm nhận được những triết lý, bài học được gửi gắm qua tác phẩm một cách chân thực, gần gũi nhất. Đây là điều khó có thể đạt được nếu chỉ học theo cách giảng dạy truyền thống. Qua đó, các em sẽ được tiếp thêm cảm hứng, niềm vui khi được học văn mỗi ngày.

Chuyên đề sân khấu hóa tác phẩm văn học là một hoạt động nhằm đa dạng hóa các hình thức DH. Hoạt động GD này hướng tới nhiều mục đích: vừa khắc sâu kiến thức trong CT, vừa mở rộng hiểu biết văn học cho HS, mặt khác giúp HS có thể rèn luyện, nâng cao NL tư duy, sáng tạo, NL hợp tác, NL cảm thụ tác phẩm NL, góp phần bồi dưỡng tư tưởng tình cảm tích cực cho các em như: tình yêu quê hương đất nước, yêu con người, yêu cái đẹp, yêu cái thiện

• Quy trình sân khấu hóa tác phẩm văn học:

- Nghiên cứu các tác phẩm văn học, các tác phẩm có trong SGK Ngữ văn lớp 10; lựa chọn một (hoặc

nhóm) tác phẩm văn học có thể chuyển thể và hình thức sân khấu hóa phù hợp với tác phẩm ấy; phác họa ý tưởng sân khấu; lựa chọn hình thức biểu diễn.

- Biên kịch: Người soạn cần nghiên cứu, đọc kỹ và hiểu đúng nội dung, tư tưởng của tác phẩm được chuyển thể. Từ đó căn cứ vào nội dung và hình thức để chuyển thành một kịch bản văn học. Cần xác định số màn/cảnh/hồi; sắp xếp trình tự các sự kiện; màn/cảnh/hồi nào đóng vai trò thắt nút hay gỡ nút thắt, mâu thuẫn, xung đột; viết kịch bản.

Viết kịch bản cần ghi rõ: tên kịch bản, thể loại, tác giả, tác phẩm văn học; đề mục các màn/cảnh/hồi; thời gian, địa điểm diễn ra sự việc; các chỉ dẫn ngắn về hành động, biểu cảm của nhân vật; lời thoại của các nhân vật.

- Đạo diễn: hiện thực hóa các ý tưởng sân khấu. Đạo diễn, diễn viên, họa sĩ thiết kế chỉnh sửa kịch bản ban đầu. Khi đã có kịch bản, để biểu diễn trên sân khấu cần thực hiện một số công việc của đạo diễn. Các công việc gồm: chuẩn bị; chỉ đạo luyện tập, biểu diễn; xem xét, rút kinh nghiệm.

- Biểu diễn: Tùy theo loại hình sân khấu để lựa chọn ngôn ngữ biểu đạt phù hợp và cần chú ý đến giọng nói trên sân khấu, cử chỉ, hành động, hình thể nhân vật, phong nền sân khấu, âm thanh, ánh sáng, đạo cụ. Kết quả của hoạt động biểu diễn phụ thuộc nhiều vào vai diễn. Diễn viên muốn diễn tốt, cần chuẩn bị và thực hành rèn luyện.

• Định hướng tổ chức:

Khi tiến hành một hoạt động sân khấu hóa tác phẩm văn học, mục tiêu trước tiên cần hướng tới là xây dựng phẩm chất NL đặc thù của bộ môn. Điều này cần sự kiểm soát chặt chẽ về mặt kịch bản của các thầy cô giáo và nhà trường, định hướng nội dung, quy trình tổ chức cho hoạt động: đào tạo tìm hiểu kiến thức giúp HS hình thành kịch bản chuẩn mực; GV phải duyệt kỹ kịch bản, đặc biệt là các cảnh có thể bị cho là “nhạy cảm”, cần hướng dẫn HS chú ý khi tiến hành sân khấu hóa phải đảm bảo tính GD sẽ đảm bảo nội dung học tập.

Xuất phát từ thái độ, tinh thần tôn trọng giá trị, ý nghĩa của tác phẩm văn học kết hợp sự tưởng tượng phong phú phù hợp với nội dung CT, hướng đến GD tình yêu quê hương đất nước, yêu cội nguồn dân tộc, tình yêu thương con người, biết quý trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của cha ông, biết lẽ phải, biết phân biệt giữa cái xấu và cái tốt... Bởi các tác phẩm văn học được đưa vào nhà trường không chỉ có giá trị thẩm mỹ, giá trị văn học mà còn hàm chứa trong đó những giá trị tốt đẹp đầy tính nhân văn.

3. KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, các HĐNK đã và đang nhận được quan tâm, được đưa vào thực hiện và thật sự có hiệu quả. HĐNK là các hoạt động nằm ngoài CT học, thường mang tính chất tự nguyện hơn là bắt buộc và tham gia theo nhu cầu sở thích của HS. Chính vì vậy, việc tích cực tham gia các HĐNK của nhà trường mang lại nhiều lợi ích quan trọng, nhất là đối với HS trung học phổ thông: giúp giải tỏa áp lực, lấy lại hứng thú học tập nhanh chóng của mỗi HS; giúp các HS trau dồi thêm những kỹ năng mềm khác như kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp, xử lý tình huống; giúp gắn kết các mối quan hệ bạn bè. Câu lạc bộ “Ngoại khoá Ngữ văn 10”, cuộc thi “Tiếng Việt trong tôi”, hoạt động “Sân khấu hoá tác phẩm văn học” mà chúng tôi đề xuất kì vọng có thể đa dạng hoá hình thức tổ chức HĐNK cho học sinh. Mỗi thiết kế, hình thức tổ chức có một đặc trưng riêng, vì vậy việc nắm vững mục tiêu, quy trình thiết kế, tiếp cận mẫu kế hoạch HĐNK thử nghiệm và định hướng tổ chức đính kèm là vô cùng cần thiết đối với GV, HS lớp 10.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ASVAB Career Exploration Program. (2022). *Extracurricular activities: Life outside the classroom*. <https://www.asvabprogram.com/media-center-article/56>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bùi, M. T. (1992). Về quan điểm giao tiếp trong giảng dạy tiếng Việt. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, (11).
- Đặng, T. H. (2012). Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, (43), 18–26.
- Đỗ, N. T. (2011). Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (68), 20–25.
- Đỗ, N. T., Bùi, M. Đ., Đỗ, T. H., Phạm, T. T. H., & Lê, T. M. N. (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Thái, D. T. (2008). *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*. Nhà xuất bản Giáo dục.

Designing extracurricular activities in literature to develop language competence for tenth-grade students

Nguyễn Thị Hoa

Master's Student, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 11 September 2024

Received in revised form: 18 November 2024

Accepted: 26 November 2024

Published: 20 August 2026

Keywords:

Extracurricular activities;

Language competence;

Grade 10 Literature;

Activity design.

Corresponding author:

Nguyễn Thị Hoa

E-mail address:

lunguyengialinh2015@gmail.com

ABSTRACT

This article focuses on analyzing and clarifying fundamental concepts related to extracurricular activities, language competence development, and the assessment of language competence enhancement for tenth-grade students through extracurricular activities in Literature. Based on these analyses, the study proposes designs for extracurricular activities aimed at fostering students' interest and practical Vietnamese language skills, gradually developing their language competence in both receptive and productive dimensions.